NỀN NÔNG NGHIỆP CHAMPA TRONG LỊCH SỬ (1): BẰNG CHỨNG QUA CÁC NGUỒN TƯ LIỆU

NGUYỄN HỮU MẠNH*

1. MỞ ĐẦU

1.1. Dẫn luận

Khi nghiên cứu về sự phát triển kinh tế và xã hội của vương quốc Champa - một nền văn minh rực rỡ từng tồn tại ở miền Trung Việt Nam từ thế kỷ II đến thế kỷ XIX, hầu hết các học giả đều nhấn mạnh vai trò quan trọng của hải thương[1]. Với vị trí địa chiến lược, nằm trên tuyến đường tơ lụa trên biển, đường bờ biển dài và bị cắt xẻ mạnh tạo nên nhiều vũng, vịnh, đầm phá, Champa đã trở thành một điểm dừng chân lý tưởng cho các thương thuyền quốc tế. Điều này dẫn tới sự hình thành các cảng biển quan trọng như Cửa Việt (Quảng Trị), Hội An (Quảng Nam), Thị Nại (Bình Định)... Từ đó, hải thương không chỉ thúc đẩy sự giao lưu kinh tế, văn hóa mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng sự thịnh vượng của vương quốc Champa. Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn nhận Champa qua lăng kính của hải thương mà bỏ qua nền tảng kinh tế nông nghiệp thì sẽ thiếu sót trong việc hiểu rõ bản chất của sự phát triển bền vững của vương quốc này.

Thực tế, để một quốc gia có thể duy trì sự ổn định và phát triển lâu dài, đặc biệt trong bối cảnh lịch sử khu vực Đông Nam Á với nhiều biến động, nền tảng kinh tế nông nghiệp đóng vai trò không thể thay thế. Dù hải thương mang lại nguồn lợi lớn, nhưng chính nông nghiệp mới là yếu tố đảm bảo an ninh lương thực, cung cấp nguồn lực lao động và tạo điều kiện cho sự phát triển của các lĩnh vực khác như xã hội, văn hóa, tôn giáo. Nếu không có nền tảng kinh tế nông nghiệp ổn định, Champa khó có thể xây dựng được hệ thống đền tháp quy mô, đồ sộ hay duy trì sức mạnh để trở thành một đối trọng với các vương triều phong kiến phương Bắc như Hán, Đường, Tống, vốn đang cai trị miền Bắc Việt Nam từ thế kỷ II đến thế kỷ X.

Do đó, nghiên cứu về kinh tế nông nghiệp Champa không chỉ góp phần làm sáng tỏ một lĩnh vực nghiên cứu ít được chú ý trong lịch sử của vương quốc này, mà còn mở ra góc nhìn mới về mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên tại miền Trung Việt Nam - một khu vực có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, ít thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, nghiên cứu này cũng giúp hiểu rõ hơn về vai trò của cây lúa - một loại cây trồng chủ đạo trong nền kinh tế Champa, và ảnh hưởng của các giống lúa Champa đối với nông nghiệp Đại Việt, Trung Hoa và thậm chí cả Nhật Bản.

Tuy nhiên, nghiên cứu về nông nghiệp Champa vẫn còn gặp nhiều khó khăn do sự thiếu hụt tài liệu và nguồn tư liệu đáng tin cậy. Dù vậy, thông qua việc tổng hợp và phân tích các nguồn tư liệu như bia ký, thư tịch cổ, tài liệu dân tộc học và đặc biệt là những phát hiện khảo cổ học gần đây, nghiên cứu này hướng tới việc phác họa một bức tranh toàn diện hơn về vai trò của nông nghiệp trong đời sống kinh tế - xã hội của cư dân Champa thời cổ trung đại.

* Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

Đồng thời, bài viết cũng sẽ tập trung làm rõ những khó khăn tự nhiên mà cư dân Champa phải đối mặt, như địa hình đồng bằng nhỏ hẹp, đất đai kém màu mỡ, khí hậu khô hạn và mưa lũ thất thường, để từ đó đánh giá những chiến lược thích ứng và sáng tạo của họ trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Qua đó, nghiên cứu không chỉ góp phần làm sáng tỏ một khía cạnh quan trọng trong đời sống kinh tế của Champa mà còn cung cấp những bài học giá trị về khả năng thích ứng với môi trường tự nhiên khắc nghiệt - điều vẫn còn mang tính thời sự đối với khu vực miền Trung Việt Nam ngày nay.

1.2. Lược sử nghiên cứu nông nghiệp Champa

Cho đến nay, vẫn chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về nông nghiệp Champa[2]. Một trong những thách thức lớn nhất đối với việc nghiên cứu nông nghiệp Champa là sự thiếu hụt tài liệu và nguồn tư liệu đáng tin cậy. Các bia ký Champa, mặc dù là nguồn tư liệu quý giá nhưng chủ yếu tập trung vào việc ghi chép các hoạt động dâng cúng ruộng đất cho các đền tháp và thần linh, mà ít khi đề cập chi tiết đến kỹ thuật canh tác hay các giống cây trồng cụ thể. Còn thư tịch cổ của Trung Quốc và Đại Việt, mặc dù có đề cập đến Champa, thường chỉ mô tả những yếu tố bề ngoài và có thể mang theo những định kiến văn hóa, chính trị của thời kỳ đó, khiến cho việc dựa vào chúng để nghiên cứu nông nghiệp Champa trở nên hạn chế. Lâm Thị Mỹ Dung (2016: 141) cho rằng nhận định của các sử gia Trung Quốc, Đại Việt thường không đầy đủ, một phần do định kiến về xứ man di, một phần do sự hạn chế trong tầm quan sát, các ghi chép này chỉ mô tả những gì họ thấy được và không nên dùng tầm nhìn hạn hẹp về một vùng, một khu vực nhất định để khái quát cho toàn bộ Champa.

Miền Trung Việt Nam - không gian tồn tại của vương quốc Champa - không có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi về đất đai và khí hậu cho sự phát triển nông nghiệp. Khác biệt với hai vùng đồng bằng sông Hồng và sông Mê Kông trù phú, miền Trung Việt Nam có một chuỗi đồng bằng nhỏ hẹp, phân bố dọc theo chân của dãy Trường Sơn Đông. Các mạch núi đâm ngang theo hướng Tây - Đông chia cắt đồng bằng này thành từng ngăn nhỏ, làm cho hai hay ba đồng bằng hợp lại thành một vùng tự nhiên gần như có cùng một quá trình phát sinh và phát triển. Đồng thời, chính đặc điểm các dãy núi Trường Sơn có lúc chạy ra sát biển đến mức dải đồng bằng thu hẹp lại rất nhiều. Đồng thời, các đồng bằng ven biển miền Trung chỉ mới hình thành gần đây, vào đầu kỷ Đệ tứ và do đặc trưng của sông miền Trung ngắn dốc nên không nhiều phù sa, do đó các đồng bằng ven biển miền Trung không màu mỡ.

Về khí hậu, bắt đầu từ phía nam đèo Ngang (Quảng Bình) trở vào nam, khí hậu bắt đầu mang tính chất của khí hậu nhiệt đới ẩm điển hình nhưng sự biến đổi theo hai mùa mưa và mùa khô. Trong mùa khô, thời tiết khô hạn lại được tăng cường do gió Lào và khu vực đất cát ở đây chiếm một diện tích rộng, còn mùa mưa thì lượng mưa lại quá tập trung và quá lớn gây khó khăn cho việc phát triển nông nghiệp. Ngoài ra, vùng Nam Trung Bộ Việt Nam lại đặc biệt khô hạn, đặc biệt là khu vực tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận (Lê Bá Thảo 2001: 199-200, 215).

Những khó khăn này đã dẫn tới nhận định trong *Minh sử* rằng ở Champa, dân sống dựa vào nghề đánh cá, người cày cấy rất ít, nông nghiệp không phát triển: "Nước ấy không có sương tuyết, bốn mùa đều tựa như mùa hạ, cây cỏ thường xanh. Dân lấy việc đánh cá làm sinh kế, không có hai loại lúa mạch, ít người cày cấy, nên thu hoạch bạc bẽo" (Châu Hải Đường 2021: 319). Mặc dù có nhận định rằng ở Champa "ít người cày cấy", nhưng cũng chính đoạn mô tả trên của Minh sử ghi nhận sự tồn tại của nông nghiệp. Nhận định này có thể phản ánh một phần thực tế về điều kiện tự nhiên khắc nghiệt của miền Trung Việt Nam, nhưng cũng có thể bị ảnh hưởng bởi định kiến và giới hạn trong quan sát của các sứ giả Trung Hoa.

2. Bằng chứng về sự tồn tại của nền nông nghiệp Champa

2.1. Dấu vết từ những phát hiện khảo cổ học

Chứng cứ khảo cổ học cho thấy trong văn hóa Sa Huỳnh và sau đó là Lâm Ấp - Hoàn Vương - Champa những chính thể từng tồn tại ở không gian địa lý miền Trung Việt Nam có thể ***đảm bảo an ninh lương thực*** dựa vào việc trồng cấy, chăn nuôi và khai thác nguồn lợi tự nhiên. Việc trồng cấy lương thực, đặc biệt là vai trò quan trọng của cây lúa, giúp đảm bảo ″an ninh lương thực″ cho cư dân. Sự đảm bảo này tạo tính ổn định xã hội và thúc đẩy những lĩnh vực kinh tế khác. Bởi vì, nông nghiệp không phải là ngành kinh tế đóng vai trò quyết định nhưng lại là điều kiện cần và đủ để tạo nên sự giàu có được phản ánh qua hệ thống các di tích, di vật (Momoki 1996: 38; Lâm Thị Mỹ Dung 2016: 35).

Trong các địa điểm văn hóa Sa Huỳnh ở Quảng Nam đã phát hiện các dấu vết gạo cháy trong mộ chum Lai Nghi là bằng chứng về sự phát triển của nông nghiệp. Dấu vết vỏ trấu cũng được phát hiện trên mảnh chum gốm Gò Miếu Ông, Gò Dừa, Lai Nghi, Bình Yên; trên đồ đồng Lai Nghi... (Lâm Thị Mỹ Dung 2016: 138-139). Các nhà khảo cổ học cũng phát hiện nhiều hạt gạo hóa than ở di tích Gò Cấm (Duy Trung, Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam) có niên đại thế kỷ I - II *(Hình 1*). Các hạt gạo hóa than này có dạng hạt tròn, hạt bầu (Japonica), hạt dài (Indica) và chúng đều là lúa trồng (Oryza sativa), chứ không phải là lúa hoang (Oryza rufipogon). Gần đây, Yamagata và nhóm nghiên cứu phân tích tổng cộng 61 mẫu vật có chứa dấu vết của thực vật từ các di chỉ thời kỳ đồ sắt đến thời kỳ lịch sử sơ khai ở miền Nam (11 mẫu từ di tích An Sơn, Long An) và miền Trung Việt Nam (50 mẫu) bằng kỹ thuật tạo bản sao và soi kính hiển vi điện tử để xác định nguồn gốc giống cây trồng. Kết quả cho thấy 12 mẫu vật có dấu vết hạt thóc rõ ràng được xác định gồm: lúa trồng (Oryza sativa) với 8 mẫu, lúa gần với lúa trồng (cf. Oryza sativa) 1 mẫu, và 3 mẫu không rõ loài. Tìm đọc thêm (Nakayama et al. 2019: 37-51; Yamagata et al. 2025: 5-16).



Hình 1. **Các di tích được đề cập tới trong bài**
(*Nguồn: Tác giả*)

Trong những năm gần đây, nhiều phát hiện lúa gạo trong khai quật khảo cổ học ở các di tích Champa đã được phát hiện "chắc chắn là kho chứa lúa/gạo của cư dân trong vùng"[3] (Nguyễn Thị Mai Hương và nnk 2017: 549). Lớp kiến trúc sớm nhất có niên đại thế kỷ VIII - IX ở Triền Tranh (Duy Xuyên, Quảng Nam) có dạng nhà sàn bằng gỗ, đã bị cháy rụi[4]. Trong phạm vi nền nhà phát hiện thóc gạo với số lượng lớn, chủ yếu thuộc dạng

loại hạt bầu ngắn chiếm trên 50% (dài <5mm và tỷ lệ d/r từ 2 - 3mm); loại hạt trung bình (dài từ 5 - 7mm) chiếm 33% và hạt dài (tỷ lệ d/r từ 1 -2mm) chiếm (39 %), có thể thuộc các loại nếp ruộng, nếp chiêm, tẻ chiêm, tẻ mùa, di, cút, dự (Nguyễn Thị Mai Hương và nnk 2017: 548). Các nhà chủ trì khai quật đi đến kết luận các hạt lúa gạo tìm thấy ở di chỉ phần lớn thuộc dạng *hạt bầu tròn (tròn ngắn)*, là dạng hạt của lúa Japonica. Những hạt gạo cháy ở đây khá giống với lúa nếp hương Bắc Bộ (*Hình 2*) (Lâm Thị Mỹ Dung 2016: 140).



Hình 2. **Gạo cháy ở Triền Tranh**
(Nguồn: Nguyễn Thị Mai Hương và nnk 2017)

Ngoài những dấu vết này, trong gạch Champa ở quanh các đền tháp Bằng An, Chiên Đàng, Khương Mỹ, Đồng Dương, Mỹ Sơn... có vỏ trấu trộn và rất tiếc cũng chưa có những xác định loại lúa nào đã được trồng dựa trên đo kích cỡ (Lâm Thị Mỹ Dung 2016: 139-140). Theo thông báo của Nguyễn Việt và Lâm Dzũ Xênh (2014: 691-693) khi nghiên cứu mảnh khuôn đúc tượng thần Shiva, mảnh khuôn tìm thấy gần phế tích Champa thuộc Bình Nghi (Phú Phong, Tây Sơn, Bình Định) kỹ thuật đúc lõi khuôn sáp được làm cùng lúc với vỏ khuôn đúc và khi lấy sản phẩm thì phải phá khuôn. Dấu vết trấu tìm thấy ở phần vỏ ngoài của khuôn, vết trấu in rõ nét và thuộc *loại hạt dài*, niên đại dự đoán khoảng thế kỷ XIII - XIV.

Những tư liệu khảo cổ học này là phù hợp với các nguồn sử liệu như Tống sử cho biết, người Champa trồng cả *gạo nếp và gạo tẻ*, với chính sách thuế nông nghiệp rõ ràng: quan chức cấp một hộc giống và thu thuế một trăm hộc sau thu hoạch: "Ngũ cốc không có mạch, có gạo nếp, gạo tẻ, đậu, vừng. Quan cấp giống một hộc, tính thuế một trăm hộc" (Châu Hải Đường 2021: 286).



Hình 3. **Bia ký C. 38 Po Nagar đề cập tới việc xây dựng con đập để điều tiết nguồn nước**
(*Nguồn: Tác giả*)

2.2. Bằng chứng từ bia ký và thư tịch cổ

Bia ký Champa chủ yếu tập trung vào các vấn đề tôn giáo và chính trị, nhưng cũng cung cấp những thông tin gián tiếp về nông nghiệp thông qua việc ghi chép các hoạt động dâng cúng ruộng đất và sản phẩm nông nghiệp cho các đền thờ. Có nhiều bia ký Champa đề cập đến những cánh đồng lúa, kho lương thực, kênh thủy lợi… như bia C.148 Lai Trung, C.149 Nham Biều (Quảng Trị); C.38 Po Nagar (Khánh Hòa); C.11 Po Klong Garai, C.24 Glai Lamov, C.5 Phan Rang, C.25 Yang Tikuh, C.122 Phú Quý (Ninh Thuận) (*Hình 1, 3*).

Một trong những đặc trưng điển hình của xã hội Champa là vua và tầng lớp quý tộc thường xuyên thánh hiến các cánh đồng dâng cúng cho các ngôi đền tháp. Nguồn lợi canh tác trên các cánh đồng này nắm giữ vai trò thiết yếu trong việc duy trì các hoạt động tôn giáo. Điển hình là bia ký C.5 Phan Rang ghi lại việc dâng cúng đất đai cho đền thờ và mô tả ranh giới của vùng đất này: "Một cánh đồng lúa nằm ở Kumvyāl [và] Samṛddhijaya, thuộc Ranok, 400 jāk, với tandō laṅguv (nô lệ làm việc đồng áng) người Khmer và Chăm. Ngài [Đức vua Parameśvaravarmadeva] ban cho khu vực đó 30 người.

Ngài [Đức vua Parameśvaravarmadeva] ban tặng cho Śrī Jaya Ārtheśvara cánh đồng lúa ở Ranok, thuộc Samṛddhijaya [và] Kumvyāl, 500 jāk, với nô lệ làm việc đồng áng người Khmer và người Chăm. Ngài [Đức vua Parameśvaravarmadeva] ban cho thần mảnh đất đó, [cùng với] 30 người [nô lệ]" (Golzio 2004: 182).

Bia C.149 Nhan Biều còn cung cấp thông tin chi tiết hơn về các loại ruộng khác nhau. Sự phân biệt "cánh đồng lúa", "ruộng khô" này cho thấy người Champa đã phát triển các kỹ thuật canh tác phù hợp với địa hình đa dạng của vùng đất họ sinh sống: "Đây là những cánh đồng được cúng dường cho ngôi đền Devaliṅgeśvara:

Cánh đồng lúa [ruộng lúa nước] Bhauk Purāk có diện tích 37 galauk, sản xuất 10 đơn vị gạo; nó trải dài từ "Nhà của những người đàn ông thuộc lãnh địa bộ tộc cau" đến Đại Dương rộng lớn ở phía nam. [Cánh đồng lúa] ở Bờ phía nam [của đại dương có diện tích] 60 galauk, sản xuất 30 đơn vị gạo. Khu vực trải dài từ những bờ đá của ngôi đền (sīma) đến hai con sông của Đại Dương được giới hạn bởi những cánh đồng Krain và Talavvar [có diện tích] 310 galauk, sản xuất 80 đơn vị gạo.

Đây là *những ruộng khô*: Vùng đất trải dài từ bờ đá của ngôi đền đến nhà của người trồng hoa chính [có diện tích] 73 galauk; vùng đất trải dài từ Đại Dương đến "ngôi nhà của thần" [có diện tích] 162 galauk. Vùng đất Vrajāṅ được dâng hoàn toàn cho đền; phần sau là đất được chia bởi khu rừng của "Ngôi nhà của Thần" kéo dài đến khu rừng gọi là Vandāṅ; từ rừng Vandāṅ đến rừng dứa; từ cuối rừng này đến phía Tây nơi mà nó được giới hạn bởi rừng Ajauṅ Curaih, phía cuối rừng của Biển Hổ, rừng trên đảo Biển Hổ, con đường phía bắc" (Golzio 2004: 114). Những ruộng khô được đề cập trong bia ký có thể là những ruộng bậc thang, một phương thức canh tác thích ứng với điều kiện thủy văn, thổ nhưỡng khô hạn ở miền Trung Việt Nam[5].

Ngoài ra, bia ký Champa còn đề cập đến những *kho lương thực*, gợi mở rằng cư dân Champa cổ đã sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn, cho sản lượng cao, thậm chí các vương triều Champa đã có tích lũy, lưu trữ lúa gạo. Điển hình là bia ký C.24 Glai Lamov liệt kê nhiều kho lương thực ấy: [Đức vua Indravarman] đã thánh hiến cho thần tất cả châu báu, kho lương thực, cùng với những cung phi, nô lệ nam và nữ, động vật nuôi có sừng, trâu, những cánh đồng và các vật khác… Kho thóc của Srĩ, kho thóc của Pavitresvara, kho thóc của Mamauc, hai kho thóc của Bhuvanagrapura…" (Golzio 2004: 51). Bia ký C.38 Po Nagar cho biết: "[Đức vua] Sri Satyavarman dâng lên Chúa tể Bhagavati, kho thóc Vamdhaun, kho thóc ktun và kho thóc Narai cùng với rất nhiều phụ nữ"; "Kho thóc Vnara ở huyện Paunrhag, tất cả những gì mà [Đức vua] Sri Vikrantavarman này đã dâng cúng với tấm lòng chân thành cho Srî Mahadevesvara" (Golzio 2004: 37-38).

Trong khi đó, các thư tịch cổ Trung Quốc và Việt Nam cung cấp cái nhìn từ bên ngoài về nông nghiệp Champa. *Thủy Kinh chú*, một tác phẩm địa lý học Trung Quốc thế kỷ VI, cung cấp thông tin quý giá về kỹ thuật canh tác và nông lịch của cư dân Tượng Lâm (Lâm Ấp). Theo đó,

người Lâm Ấp đã biết cày bừa bằng trâu bò từ rất sớm: "Thái thú quận Cửu Chân là Nhâm Diên, bắt đầu dạy dân cày bừa. Việc giáo hóa tập tục ở đất Giao Chỉ đã nhanh chóng lan đến đất Tượng Lâm. Nhân dân biết cày bừa đến nay đã hơn 600 năm" (Lịch Đạo Nguyên 1999: 387)[6]. Điều này cho thấy kỹ thuật canh tác cày bừa bằng trâu bò đã được áp dụng ở Champa từ ít nhất là thế kỷ I.

Thủy Kinh chú không mô tả chi tiết về phương thức trồng lúa của cư dân huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam mà chỉ mô tả nông lịch và kỹ thuật trồng lúa của cư dân quận Giao Chỉ, quận Cửu Chân (Việt Nam ngày nay) và khu vực Giang Nam (Trung Quốc ngày nay). Tuy nhiên, quận Nhật Nam là nằm dưới sự quản lý của các vương triều Trung Hoa cho đến khi Khu Liên lãnh đạo nhân dân huyện Tượng Lâm, quận Nhật Nam khởi nghĩa, lập quốc, do đó, chúng ta có thể có một hình dung cụ thể về kỹ thuật canh tác lúa hai vụ của người Tượng Lâm lúc đó: "Nghề đốt rẫy gieo giống, cách làm cũng giống người Hoa[7]. Ruộng gọi là bạch điển[8], thì trồng lúa trắng. Tháng 7 đốt rẫy, tháng 10 có lúa chín, ruộng gọi là xích điền, thì trồng lúa đỏ, tháng 12 trồng, tháng 4 có lúa chín, người ta gọi hai vụ lúa là vậy" (Lịch Đạo Nguyên 1999: 387-388). Sử liệu cho biết: Hàng năm khi lúa chín, vương lại tự tay gặt một bó, tùy tòng và đám phụ nữ đều thi nhau gặt (Châu Hải Đường 2021: 287).

3. Đặc điểm nông nghiệp Champa

3.1. Vai trò quan trọng của lúa gạo

Lúa gạo đóng vai trò quan trọng trong bữa ăn hàng ngày của cư dân Champa. *Tống sử* cho biết ở Champa "Ngũ cốc không có mạch, có gạo nếp, gạo tẻ, đậu, vừng" (Châu Hải Đường 2021: 287). Để thích nghi với môi trường khô nóng, bão lũ, hạn hán xảy ra thường xuyên, Champa đã sở hữu nhiều giống lúa chịu hạn, chịu nóng.

Lúa Champa, một giống lúa ngắn ngày và có khả năng kháng hạn cao đã góp phần giúp miền Đông Nam Trung Quốc vượt qua một đợt hạn hán, cứu giúp nhiều nông dân Trung Quốc thoát khỏi nạn đói. Sử liệu Trung Hoa cho biết, năm 1012, khi các khu vực hạ lưu sông Trường Giang và sông Hoài bị hạn hán, thời tiết nắng nóng, vô cùng khắc nghiệt bởi lâu ngày mà không có mưa. Hoàng đế Tống Chân Tông đã gửi các phái viên đặc biệt tới tỉnh Phúc Kiến để mua 30.000 giạ hạt giống lúa Champa phân phát cho nông dân vùng bị hạn hán. Để làm cho người nông dân quen thuộc với kỹ thuật canh tác giống lúa Champa này, triều đình đã phát hành tờ rơi hướng dẫn cách trồng giống lúa xa lạ này (Ho 1959: 170). Và từ Trung Quốc, giống lúa Champa đã du nhập vào Nhật Bản, giúp cho người Nhật có thể canh tác hai vụ một năm, góp phần hạn chế "nạn đói mùa xuân" (Nguyễn Hữu Mạnh 2024: 44-53). Ngoài ra, giống lúa Champa thúc đẩy quá trình khai phá các đồng bằng châu thổ ở Nhật Bản, đặc biệt là ở vùng hạ lưu của các con sông, điều này làm thay đổi cảnh quan nông nghiệp của Nhật Bản: "Lúa Champa trở thành một công cụ không thể thiếu, mở đường cho việc người Nhật Bản chinh phục, chiếm lĩnh các khu vực giàu có nhất của Nhật Bản - đồng bằng hạ lưu của các dòng sông" (Farris 2006: 133).

Hiện nay, chúng ta không rõ các giống lúa Champa bao gồm những giống lúa gì. Tuy nhiên, so sánh tư liệu Trung Quốc chúng ta có tên gọi của một loạt các giống lúa có nguồn gốc từ Champa hoặc được lai tạo từ giống lúa gốc Champa được canh tác trong lịch sử nông nghiệp Trung Quốc, bao gồm: "Champa trắng", "Champa đỏ", "Champa năm mươi ngày" và "Champa bốn mươi ngày", "Champa lạnh" hoặc "Champa mùa đông" (Ho 1959: 172-174).

Vân Đài loại ngữ cho biết chi tiết hơn về các giống lúa Champa được trồng ở Trung Quốc và Việt Nam như lúa Thiền Minh[9]; có lúa nếp không có lông, lúa tẻ có lông, lúa tẻ mà hạt nhỏ dài mà trắng có vị ngọt mà thơm, lúa Tiễn Tử. Lúa trồng ở đất Mân có lúa Kim Thành[10], cũng có giống lúa không có lông mà hạt gạo thì nhỏ, có giống thì 60 ngày đã được gặt, có giống 100 ngày mới được gặt (Lê Quý Đôn 1973: 243-244). Trong *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quý Đôn (2007: 438-439, 441) liệt kê các giống lúa tẻ Chăm/Chiêm/Champa khác như: lúa Chiêm[11] ở xứ Thuận Hóa. Huyện Minh Linh có lúa Chiêm[12], lúa Chăm bạc[13], lúa Chăm xa, Chăm hót[14]. Huyện Lệ Thủy có lúa Chiêm thông[15]; Chăm hót[16].

Đặc biệt, Lê Quý Đôn (2007: 242-243) còn cho biết thêm, sách *Quảng chí* cho biết giống lúa Champa mà Hoàng đế Tống Chân Tông sai sứ sang Champa lấy rồi phân cho các đạo là lúa *Cái Hạ Bạch*. Giống lúa này tháng Giêng trồng rồi tháng 5 gặt. Gặt xong lúa rồi, để lại gốc, gốc lúa lại mọc lên, tháng 9 lúa lại chín nữa để gặt. Giống lúa này sách *Bổn Thảo* gọi là lúa Tiên, Tiên ở đây có nghĩa là lúa chín sớm. Còn sách *Đạo Phẩm* của Hoàng Tỉnh Tăng, người nhà Minh soạn lại cho rằng giống lúa "Nhà Tống sai sứ đến nước Chiêm Thành, lấy đồ trân bảo đổi lấy giống lúa ấy để cấp cho dân" lại là lúa Tiễn Tử. Lúa Tiễn Tử được chia thành hai loại: i. Lúa Hồng liên (sen hồng) là hạt to, lông màu hồng và đỏ, tháng 5 trồng, tháng 9 chín; ii. Lúa hạt nhỏ màu trắng, tháng 4 trồng, tháng 6 chín, gọi là lúa 60 ngày. Ngoài ra còn có lúa 80 ngày, lúa chín muộn hơn nữa gọi là lúa 100 ngày. "Những giống lúa này đều do nước Chiêm Thành đem đến [Trung Quốc], thật đã nhờ mưa và nắng mà thành hột. Hột gạo lúa này nấu cơm thì hơi cứng" (Lê Quý Đôn 2007: 244). Sự hiện diện của các dấu tích lúa gạo từ thời văn hóa Sa Huỳnh đến các di tích Champa cho thấy lịch sử lâu dài và sự phát triển liên tục của cây lúa trong nền nông nghiệp Champa. Việc phát hiện nhiều giống lúa khác nhau, bao gồm cả lúa Japonica (hạt bầu, tròn) và các giống lúa chịu hạn, chín sớm, cho thấy sự hiểu biết sâu sắc của cư dân Champa về đặc tính của từng loại cây trồng và khả năng thích ứng linh hoạt với điều kiện địa phương.

Như vậy, qua ánh sáng của tư liệu khảo cổ học cho thấy các cư dân cổ Champa đã sở hữu nhiều giống lúa khác nhau, ngoài các giống lúa Indica (hạt dài), còn có cả các giống lúa Japonica (hạt bầu). Đồng thời, thông qua nguồn tư liệu lịch sử cho thấy các giống lúa Champa đóng vai trò quan trọng không chỉ trong đời sống kinh tế và văn hóa của cư dân Champa mà còn có ảnh hưởng sâu rộng đến nông nghiệp khu vực, đặc biệt là Trung Quốc và Nhật Bản[17]. Những giống lúa chịu hạn, ngắn ngày và năng suất cao của Champa đã giúp các dân cư những nước này vượt qua hạn hán, thiên tai, đảm bảo an ninh lương thực và mở ra những tiến bộ trong kỹ thuật canh tác.

3.2. Các loại cây trồng khác

Hiện nay, các tư liệu khảo cổ học, không cho chúng ta thêm thông tin về các loại cây trồng khác ở Champa. Dựa trên sử liệu, chúng ta biết rằng, dưới thời Tống, ở Champa không có mạch, không có trà và tơ tằm (Châu Hải Đường 2021: 286-288). Nhưng người dân Champa đã canh tác các giống câu trồng khác như đậu, vừng, dừa và cau… những loại cây không chỉ góp phần vào sự ổn định kinh tế mà còn phản ánh sự đa dạng sinh học và khả năng thích ứng với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. *Tống sử* liệt kê nhiều giống cây trồng khác như cau, gỗ, vải, sen, mía, chuối, dừa: "Thổ sản có: tiên hương, trầm hương, cau, gỗ ô môn, tô mộc, bạch đằng (mây trắng), hoàng lạp, vải hoa bông, vải tơ bện, vải bạch chiên[18], chiếu mây, chiếu lá bối đa, vàng bạc sắt đúc khối,... Ngũ cốc không có mạch, có gạo nếp, gạo tẻ, đậu, vừng. Quan cấp giống một hộc, tính thuế một trăm hộc. Hoa trái có sen, mía, chuối, dừa (Châu Hải Đường 2021: 286). Người có bệnh tật đều hái lá thuốc

tươi mà ăn. Đất ấy không sản lá trà, cũng không biết cách sao ủ, chỉ uống rượu trái dừa và ăn quả cau (Châu Hải Đường 2021: 288). Ngoài ra, trong lịch sử, vùng núi phía Tây Champa còn nổi tiếng về nguồn cây lô hội, hồ tiêu đen, đặc biệt là cây quế (Aoyagi 2005: 680). Ngày nay, quế hiện được trồng nhiều ở vùng núi phía Tây của tỉnh Quảng Ngãi, thậm chí ở Quảng Nam còn có một huyện mang tên Quế Sơn (Núi Quế).

Dựa trên tư liệu dân tộc học, Sox (1972: 90) trong công trình nghiên cứu về kinh tế Champa cho biết, hiện nay vẫn tồn tại các địa danh bằng tiếng Việt như Vườn Trầu, Vườn Xoài trên vùng đồi bazan ở Phú Yên, hay ở làng Le-nghi, một làng Chăm trước đây của Palei anok kayau có nghĩa là "làng trái cây" ở độ cao 70m phía trên Phan Rang. Từ đó, nhà nghiên cứu (Sox 1972: 70) cho rằng chế độ ăn của người Champa tập trung vào lúa nước, được bổ sung bằng các loại lương thực chủ yếu khác như kê, gạo khô, khoai mỡ và khoai môn, đồng thời được bổ sung bằng nhiều loại rau, trái cây và củ quả. Thậm chí, Sox (1972: 82) còn cho rằng Champa sở hữu bốn mũi nhọn sản xuất nông nghiệp được sắp xếp theo số lượng nông dân và tầm quan trọng của chúng, bao gồm: nông nghiệp trồng lúa, cây ăn quả lâu năm, trồng trọt khô hạn định canh, định cư và trồng trọt khô hạn luân canh.

Trong số những cây trồng được tôi liệt kê, cây cau và cây dừa không chỉ đơn thuần là những loại cây trồng phổ biến trong đời sống sản xuất và sinh hoạt của người Champa, mà còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc, gắn bó chặt chẽ với bản sắc văn hóa, nguồn gốc tộc người, cơ cấu xã hội và đời sống của người dân Champa lúc bấy giờ. Bia C.90 Mỹ Sơn có niên đại năm 1081, cho biết: "Vị vua tên là Praleyeśvara Dharmarāja thuộc dòng họ Nārikela (dừa), người đã sinh được một người thừa kế ngoan hiền trong dòng họ Kramuka (cau), hoàng tử tên là Harivarmmadeva" (Golzio 2004: 141). Việc bia C.90 Mỹ Sơn nhắc đến dòng họ Nārikela (dừa) và Kramuka (cau) đã phản ánh vai trò của hai giống cây trồng dừa và cau trong hệ tư tưởng và cấu trúc quyền lực của xã hội Champa, đã nâng lên thành biểu tượng chính trị và văn hóa. Điều này cho thấy một tầng ý nghĩa sâu sắc hơn: đó là sự gắn kết giữa nông nghiệp và cơ cấu quyền lực của xã hội Champa?.

3.3. Kỹ thuật canh tác và thủy lợi

Để thích ứng với môi trường khô hạn, điều quan trọng nhất là có những kỹ thuật khai thác, điều tiết hiệu quả nguồn nước cung cấp cho nông nghiệp. Dọc theo miền Trung Việt Nam từ Bình - Trị - Thiên đến Bình Thuận, ở những làng cổ người Chăm xưa thường để lại một hệ thống giếng đơn kiểu xếp đá hoặc xây gạch (Sở Văn hóa Thông tin Quảng Trị 2002). Hay gần với các di tích đền tháp Champa hoặc thành cổ Champa thường tồn tạo hệ thống các giếng đơn này.

Trong đó, hệ thống giếng và các công trình khai thác nước cổ tập trung đậm đặc ở khu vực Quảng Trị, là một minh chứng rõ nét về sự thích ứng của con người với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt[19]. Trên vùng đất chịu ảnh hưởng nặng nề của khí hậu khô nóng, gió Lào bỏng rát, các cư dân cổ - mà nhiều ý kiến cho rằng là người Champa là chủ nhân đã sáng tạo nên những công trình thủy lợi độc đáo để khai thác và quản lý nguồn nước (Lâm Mỹ Dung 1993: 67-79). Những giếng cổ này không chỉ phục vụ nhu cầu sinh hoạt mà còn đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hệ thống "dẫn thủy nhập điền" ở các vùng đồi đất đỏ bazan hoặc cồn cát ven biển. Đây chính là một biểu hiện sinh động của văn hóa thủy lợi, một thành tựu kỹ thuật và tổ chức xã hội

đáng nể của cư dân cổ trên vùng đất khô hạn này. Sau khi người Champa rút khỏi vùng đất này, người Việt đã tiếp nối và cải tạo hệ thống giếng cổ để phù hợp với nhu cầu của mình, minh chứng cho sự kế thừa và phát triển bền vững. Những công trình này không chỉ là di sản văn hóa - kỹ thuật quý giá mà còn là bài học về cách con người có thể tổ chức và khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả, bền vững trong điều kiện khắc nghiệt (*Hình 4*).



Hình 4. **Hệ thống khai thác nước cổ ở Quảng Trị**
(Nguồn: Tác giả)

Nhiều bia ký Champa cung cấp thông tin các nhà vua triển khai kỹ thuật thủy lợi, góp phần phát triển nông nghiệp: Bia ký C.38 D1 Po Nagar có niên đại ngày 1 tháng 4 năm 784 cho biết "Đức vua Śrī Vikrāntavarman đã dâng tặng một vương miện và một con đập chắn trên dòng nước" (Golzio 2004: 38). Một con đập chắn nước để điều tiết nguồn nước, một yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp. Hay như bia C.11 Po Klong Giarai của vua Jaya Simhavarman III cho biết các cánh đồng của Champa đều có các con kênh lớn: "Ranh giới tiếp giáp với con kênh thủy lợi công cộng, kéo dài dọc theo con kênh này... mở rộng về phía đông hơi chếch lên phía bắc, rồi quay xuống theo con kênh công cộng cho đến điểm xuất phát. [Cánh đồng đầu tiên này có diện tích 185 jak hoặc đơn vị đo lường lúa]. Một địa điểm khác trên đất của Apuh là cánh đồng của Kanva, được giới hạn về phía đông bắc bởi con kênh, kéo dài về phía nam theo con kênh cho đến các cánh đồng hoàng gia" (Golzio 2004: 195). Có thể thấy rằng các vị vua Champa rất quan tâm đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là thông qua việc phát triển và quản lý hệ thống thủy lợi. Các vị vua Champa không chỉ chú trọng đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi mà còn quan tâm đến việc tổ chức và quản lý đất đai nông nghiệp, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của nền kinh tế nông nghiệp, phản ánh tầm nhìn của các vị vua Champa đối với vai trò của lĩnh vực nông nghiệp.

4. Một vài nhận xét bước đầu

Nông nghiệp trong lịch sử Champa là nghiên cứu về một khía cạnh ít được chú ý trong đời sống kinh tế - xã hội của một vương quốc cổ từng tồn tại ở miền Trung Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu về chủ đề này còn mở ra những góc nhìn sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa con người, môi trường tự nhiên và sự thích nghi sáng tạo của người xưa. Qua các nguồn tư liệu khảo cổ học, văn bia, thư tịch cổ và dân tộc học, chúng ta có thể thấy rằng, mặc dù phải đối mặt với những điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, cư dân Champa đã phát triển nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội, không chỉ đảm bảo an ninh lương thực mà còn đóng vai trò nền tảng, tạo tiền đề cho sự phát triển chính trị, văn hóa, xã hội và tôn giáo.

Trước hết, nông nghiệp Champa phản ánh rõ nét khả năng thích nghi và sáng tạo của cư dân trong điều kiện tự nhiên đầy thử thách. Vùng đất miền Trung Việt Nam, nơi Champa tồn tại, vốn nổi tiếng với địa hình đồng bằng nhỏ hẹp, đất đai kém màu mỡ, khí hậu khô hạn và chịu ảnh hưởng

của bão lũ thất thường. Tuy nhiên, chính trong hoàn cảnh đó, cư dân Champa đã phát triển những kỹ thuật canh tác phù hợp, từ việc chọn giống lúa chịu hạn, ngắn ngày, đến việc xây dựng các hệ thống thủy lợi như giếng đào, kênh mương và đập nước. Những kỹ thuật này không chỉ giúp họ vượt qua những thách thức về môi trường mà còn tạo ra một nền tảng ổn định cho sự phát triển kinh tế và xã hội.

Nền nông nghiệp của Champa không chỉ giới hạn trong việc đảm bảo lương thực mà còn có tác động sâu rộng đến các lĩnh vực khác. Việc trồng lúa không chỉ cung cấp nguồn lương thực ổn định mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì các hoạt động tôn giáo và văn hóa. Các bia ký Champa ghi lại nhiều hoạt động dâng cúng ruộng đất và sản phẩm nông nghiệp cho các đền tháp, cho thấy rằng nông nghiệp không chỉ là một hoạt động kinh tế mà còn là một phần không thể tách rời của đời sống tâm linh và hệ tư tưởng chính trị. Các loại cây trồng khác như cau, dừa, đậu, vừng… không chỉ phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày mà còn phản ánh sự đa dạng và khả năng khai thác tài nguyên thiên nhiên của cư dân Champa.

Đặc biệt, giống lúa Champa, với đặc tính ngắn ngày, chịu hạn tốt, không chỉ đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp của vương quốc mà còn có ảnh hưởng sâu rộng đến khu vực Đông Á. Sử liệu Trung Hoa ghi nhận rằng giống lúa Champa đã được triều đình nhà Tống nhập khẩu và phân phối rộng rãi để đối phó với hạn hán, góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho hàng triệu người dân Trung Quốc. Từ đó, giống lúa này còn lan tỏa sang Nhật Bản, đóng góp vào quá trình cải cách nông nghiệp và mở rộng diện tích canh tác ở các vùng châu thổ. Mặc dù Champa là một vương quốc nhỏ bé, nhưng những đóng góp trong lĩnh vực nông nghiệp đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia, để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử nông nghiệp khu vực.

Nhìn chung, nghiên cứu về nông nghiệp Champa không chỉ giúp làm sáng tỏ một khía cạnh quan trọng trong lịch sử của vương quốc này mà còn góp phần tái hiện một bức tranh toàn diện hơn về Champa không chỉ là một vương quốc dựa vào hải thương mà còn là một nền văn minh biết cách khai thác và thích nghi với những điều kiện tự nhiên khắc nghiệt để tồn tại và phát triển. Chính sự kết hợp giữa nông nghiệp và hải thương đã tạo nên sức mạnh bền vững cho Champa, giúp họ không chỉ đứng vững trước những biến động lịch sử mà còn để lại những di sản quý báu cho các thế hệ sau.

Lời cảm tạ:

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới: GS.TS Lâm Thị Mỹ Dung (Trường ĐH KHXH&NV, ĐH QG Hà Nội) đã có những góp ý có giá trị cho bản thảo của bài viết. Xin cảm ơn GS.TS Yamagata Mariko (Trường ĐH Rikkyo, Nhật Bản) đã chia sẻ cho tôi nghiên cứu giá trị của cô Xin trân trọng cảm ơn!

Chú thích:

1. Nhiều nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của hải thương dựa trên "mô hình hệ thống trao đổi ven sông" của Bronson (1978: 39-52), coi đây là nền tảng quyết định sự phát triển kinh tế Champa.

2. Trong số các học giả quan tâm đến nông nghiệp Champa, có thể kể đến nghiên cứu của Momoki (1999: 43-48); Lâm Thị Mỹ Dung (2016: 152-157), Đồng Thành Danh (2015: 50-52; 2017: 9-16).

3. Mặc dù ở di tích phát hiện một lượng lớn thóc/gạo cháy nhưng kết quả phân tích bào tử phấn hoa và trầm tích ở đây không phản ánh hoạt động nông nghiệp. Có lẽ đây chỉ là nơi cư trú, hoạt động nông nghiệp chắc phải được thực hiện ở nơi nào đó thuận lợi hơn.

4. Nhà ở Gò Cấm được dựng bằng gỗ, với sàn gỗ ghép bởi các tấm ván gỗ rộng và rất dài, bên dưới có chân kê cũng bằng gỗ nguyên cây được cắt phẳng, các chân kê chỉ cách mặt đất 20cm - 25cm. Sàn nhà

bằng gỗ. Khung đỡ mái cũng được làm bằng gỗ. Trên bề mặt sàn nhà có một số lỗ cắt góc hình vuông, có khả năng là lỗ chôn cột nhà. Tường nhà được buộc đứng cây que nhỏ và trát đất sét rất dày. Mái nhà được che bằng ngói âm dương, gạch chưa được dùng ở di tích Gò Cấm (Nguyễn Kim Dung 2005: 22). Tuy nhiên, mái nhà ở Triền Tranh lại lợp bằng vật liệu không bền vững.

5. Các loại đất phù sa đen hình thành trong các lưu vực tự nhiên và nhân tạo trên ruộng bậc thang được làm giàu đặc biệt nhờ các chất dinh dưỡng thực vật lơ lửng trong nước chảy qua lớp đất bazan phía trên. Một số vùng rộng lớn ở các thung lũng phù sa Quảng Trị, Quảng Ngãi, Bình Định và đặc biệt là các thung lũng sông Đà Rằng và các ngọn đồi phía trên vùng Tuy Hòa ở Phú Yên đã được hưởng lợi từ các dòng suối bắt nguồn hoặc đi qua các vùng bazan (Sox 1972: 72).

6. Thủ Kinh chú cũng dẫn Hậu Hán thư phần Nhâm Diên truyện cho biết cụ thể hơn, "thời Kiến Vũ (năm 25 - 56), Nhâm [Diên] làm Thái thú quận Cửu Chân, dân ở đây không biết cày ruộng bằng trâu bò, Diên cho đúc rèn các nông cụ, dạy dân khai khẩn đất đai" và kỹ thuật làm nông nghiệp này nhanh chóng làn đến đất Tượng Lâm (Lịch Đạo Nguyên 1999: 387).

7. Thủ Kính chú: Theo *Sử ký - Bình chuẩn thư*, ở Giang Nam, thực hiện việc "hóa canh thủy nậu". Trong "Tập giải", Ưng Thiệu nói: đốt cỏ, đưa nước vào để trồng lúa, cỏ và lúa đều mọc, vì biết muốn trừ cỏ, đưa nước vào tưới, cỏ chết, chỉ còn lúa sống, cái đó gọi là hỏa canh thủy nậu là thế. "Hóa thực truyện" cũng nói hoa canh thủy nậu. Ruộng gọi là bạch điển thì trồng lúa trắng (Lịch Đạo Nguyên 1999: 387).

8. Thủ Kính chú: "Tấn thư. Phó Huyền truyện", ruộng bạch điền thu đến hơn 10 hộc, ruộng nước thu được vài mươi hộc, bạch điền có phải là ruộng khô không?. Tháng 7 đốt rẫy, Thủ Kính chú: "Ngự lãm" dẫn câu này viết là tháng 7 đại tác, tức là tháng 7 làm lớn (Lịch Đạo Nguyên 1999: 387).

9. Lúa chín vào mùa ve kêu, trồng được 63 ngày thì lúa chín.

10. Hạt gạo nhọn màu hồng mà cứng, tháng 4 trồng, tháng 7 chín.

11. Hạt to mà đỏ tháng 11 cấy, tháng 3 gặt.

12. Gạo đỏ thơm dẻo, rất mau chín, tháng 11 cấy, tháng 2 chín.

13. Hợp với đất thấp, thóc vàng gạo trắng.

14. Cả hai giống này thóc gạo đều vàng, tháng 5 sau tết Đoan Ngọ thì cấy, tháng 8 gặt.

15. Thóc gạo đều trắng, hạt nhỏ, hợp với ruộng cát, tháng 11 cấy, tháng 4 chín.

16. Lại có tên là Bát Nguyệt, thóc đỏ gạo trắng, hột nhỏ, ruộng bùn, ruộng cát đều cấy được, cơm dẻo, tháng 3 gieo mạ, tháng 5-6 cấy, tháng 8 chín.

17. Để tìm hiểu thêm về vấn đề này, có thể tìm đọc Nguyễn Hữu Mạnh (2024).

18. Không có tằm tơ, dùng vải bạch chiên quấn ngực buông rủ tới chân, mặc áo chẽn tay. Buôn bán với nhau thì không dùng tiền, chỉ dùng vàng bạc mà so nặng nhẹ, hoặc vải gấm bông để định giá trị trao đổi (Châu Hải Đường 2021: 287).

19. Hệ thống giếng cổ ở Quảng Trị được chia thành hai loại hình chính: hệ thống giếng phức hợp và giếng đơn. Các giếng phức hợp thường có cấu trúc liên hoàn, phức tạp đa chức năng, được xây dựng tại các triền đồi nhằm khai thác mạch nước nổi hoặc nước ngầm phun lộ thiên. Chúng không chỉ cung cấp nước cho sinh hoạt mà còn phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, với những tên gọi dân gian như giếng Bà, giếng Ông... Các giếng này không bao giờ cạn, bất kể mùa khô hay mưa, cho thấy sự am hiểu sâu sắc của người xưa về địa chất và thủy văn. Trong khi đó, các giếng đơn, thường có hình vuông hoặc tròn, được xây dựng bằng đá hoặc gạch, chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Cách bố trí, kỹ thuật xây dựng và quy định sử dụng nguồn nước của các giếng này phản ánh một hệ thống quản lý tài nguyên nước chặt chẽ, mang tính cộng đồng cao.

Mặc dù còn nhiều tranh luận về chủ nhân thực sự của các công trình này - người Champa, người Việt cổ, hay các nhóm cư dân khác như Bru - Vân Kiều, Tà Ôi - nhưng không thể phủ nhận rằng chúng là biểu tượng của sự sáng tạo và khả năng thích nghi vượt trội. Có thể những cộng đồng người khác nhau, sinh sống trên cùng một điều kiện tự nhiên cũng sẽ thích ứng, phát triển kỹ thuật khai thác nước giống nhau.

TÀI LIỆU DẪN

AOYAGI, YOJA 2005. Khai quật khu lò Gò Sành - Đồ gốm Champa trong lịch sử của con đường tơ lụa trên biển. Trong *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam (tập 2)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 678-689.

BRONSON, BENNET 1978. Exchange at the Upstream and Downstream Ends: Notes toward a Functional Model of the Coastal State in Southeast Asia. In *Economic Exchange and Social Interaction in Southeast Asia: Perspectives from Prehistory, History, and Ethnography*, edited by Karl L. Hutterer, 39-52. Ann Arbor: University of Michigan Press.

CHÂU HẢI ĐƯỜNG 2021. *An Nam truyện, ghi chép về Việt Nam trong chính sử Trung Hoa xưa*. Hội Nhà Văn, Hà Nội.

ĐỒNG THÀNH DANH 2015. Giống lúa chiêm của người Champa cổ. Trong *Nguồn sáng dân gian*, số 3 (56).

ĐỒNG THÀNH DANH 2017. Một thể chế đồng bằng hay trọng nông ở miền Trung Việt Nam thời Vương quốc Champa cổ. Trong *Đà Nẵng - Miền Trung những vấn đề lịch sử văn hóa.* Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ.

FARRIS, WILLIAM WAYNE 2006. *Japan's Medieval Population: Famine, Fertility, and Warfare in a Transformative Age.* Honolulu: University of Hawai'i Press.

GOLZIO, KARL-HEINZ 2004. *Inscriptions of Campā Based on the Editions and Translations of Abel Bergaigne, Etienne Aymonier, Louis Finot, Edouard Huber and Other French Scholars and of the Work of R.C. Majumdar; Newly Presented, with Minor Corrections of Texts and Translations.* T. Aachen: Shaker.

HO, PING-TI 1959. *Studies on the Population of China*, 1368-1953.

LÂM MỸ DUNG 1993. Các công trình khai thác nước dùng đá xếp ở Quảng Trị. Trong *Khảo cổ học*, số 2: 67-79.

LÂM THỊ MỸ DUNG 2016. *Một số vấn đề xã hội Champa qua nghiên cứu khảo cổ học*. Đề tài NAFOSTED mã số IV.12-2012.18.

LÊ BÁ THẢO 2001. *Thiên nhiên Việt Nam.* Nxb. Giáo Dục, Hà Nội.

LÊ QUÝ ĐÔN 1973. *Vân đài loại ngữ.* Sài Gòn: Tủ sách cổ văn, Ủy ban dịch thuật phủ quốc vụ đặc trách văn hóa.

LÊ QUÝ ĐÔN 2007. *Phủ biên tạp lục*. Nxb. Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội.

LỊCH ĐẠO NGUYÊN 1999. *Thủy kinh chú sớ.* Thừa Thiên Huế: Nxb. Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.

MOMOKI, SHIRO 1996. "A short introduction to Champa studies". *重点領域研究総合的地域研究成果報告書シリーズ: 総合的地域研究の手法確立: 世界と地域の共存のパラダイムを求めて*30: 35-42.

MOMOKI, SHIRO 1999. Champa, chỉ là một thế biển? (Những ghi chép về nông nghiệp và ngành nghề trong các tư liệu Trung Quốc). Trong *Nghiên cứu Đông Nam Á*, 4: 43-48.

NAKAYAMA, S., YAMAGATA, M., & NGUYỄN, K. T. K. 2019. ベトナム南部・アンソン遺跡における新石器時代の種子圧痕分析 [Analysis of seed imprints from the Neolithic period at the An Son site in Southern Vietnam]. *アジア地域研究 [Asian Regional Studies]*, No. 2: 37–51.

NGUYỄN HỮU MẠNH 2024. Giống lúa Champa trong lịch sử nông nghiệp Nhật Bản. Trong *Nghiên cứu lịch sử,* số 6: 44-53.

NGUYỄN KIM DUNG 2005. Di chỉ Gò Cấm và con đường tiếp biến văn hóa sau Sa Huỳnh khu vực Trà Kiệu. Trong *Khảo cổ học* 6: 17-50.

NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG, NGUYỄN NGỌC QUÝ, NGUYỄN VĂN MẠNH 2017. Dấu vết thóc gạo ở Triền Tranh. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2016.* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 547-550.

NGUYỄN VIỆT VÀ LÂM DZŨ XÊNH 2014. Phát hiện khuôn đúc tượng đồng Champa ở Bình Định. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2013*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 691-693.

SOX, DAVID GRIFFITHS 1972. Resource-Use Systems of Ancient Champa. In *Master's thesis, University of Hawaii.*

SỞ VĂN HÓA THÔNG TIN QUẢNG TRỊ 2002. *Di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Trị*, Quảng Trị.

YAMAGATA, M., NAKAYAMA, S., NGUYEN, K. T. K., NGUYEN, Q. M., & NGUYEN, H. B. L. 2025. "Plant impression analysis of Iron Age and Early Historic sites in Southern and Central Vietnam". *Journal of Southeast Asian Archaeology* 44: 5-16.

CHAMPA AGRICULTURE IN HISTORY (1): EVIDENCE THROUGH SOURCES

NGUYỄN HỮU MẠNH

The study of Champa's agriculture, a subject that has received limited attention in the historical discourse of the Champa kingdom, offers profound insights into the adaptability and ingenuity of Champa's inhabitants in navigating the harsh natural conditions of central Vietnam. Although Champa is best known for its flourishing maritime trade, agriculture served as a fundamental pillar, ensuring food security and forming the basis for the kingdom's economic, social, cultural, and religious development. Confronted with natural challenges such as narrow plains, poor soil fertility, arid climates, and frequent storms, the Champa people devised innovative agricultural techniques, including the cultivation of drought-resistant, short-cycle rice varieties and the construction of water management systems such as canals and reservoirs.

Champa rice varieties not only sustained the kingdom's food supply but also had a significant influence across East Asia, being imported by the Song Dynasty to address drought conditions and subsequently spreading to Japan. In addition to rice, the cultivation of crops such as areca, coconut, beans, and sesame highlights the biodiversity and resourcefulness of the Champa people in harnessing natural resources. Drawing on archaeological evidence, inscriptions, and ancient texts, this study reconstructs the pivotal role of agriculture in Champa's socio-economic framework and provides valuable lessons on resilience and environmental adaptation. The synergy between agriculture and maritime trade was a cornerstone of the Champa kingdom's enduring strength throughout its history.